

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 18 VIỆT NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 18 VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 18 VIETNAM TRADE AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: 18 VIETNAM TCI.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110118685

3. Ngày thành lập: 16/09/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 25B, Ngõ 163, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985976455

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
3.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
4.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Không hoạt động tại trụ sở)	4620
5.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
6.	Bán buôn thực phẩm	4632
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
9.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn thiết bị điện năng lượng mặt trời, điện dân dụng và công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị ngành giấy	4659
11.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	4661
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Loại trừ: Kinh doanh vàng miếng	4662
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn khuôn mẫu, bao bì, các sản phẩm nhựa, giấy và nguyên liệu từ giấy, nhựa đường; Bán buôn nguyên vật liệu ngành in và ngành giấy; Bán buôn hạt nhựa các loại.	4669
15.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
16.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
17.	Chăn nuôi gia cầm	0146
18.	Chăn nuôi khác	0149
19.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
20.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
21.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
23.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể; Dạy về tôn giáo	8559
24.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
25.	Lập trình máy vi tính	6201
26.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
27.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
28.	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Dịch vụ thương mại điện tử	6499
29.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
30.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Loại trừ: Đấu giá, tư vấn pháp luật về bất động sản theo điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản	6820
31.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
32.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
33.	Quảng cáo	7310
34.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
35.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
36.	Cho thuê xe có động cơ	7710
37.	Bán buôn tổng hợp	4690
38.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi	4719
39.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

40.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
41.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
42.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
43.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
44.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
45.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
46.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít	2022
47.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất sản phẩm từ hạt nhựa (không hoạt động tại trụ sở) (trừ sản xuất xếp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)	2220
48.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
49.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
50.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Loại trừ: Vận tải bằng xe buýt	4931
51.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác	4932
52.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
53.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
54.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
55.	Bốc xếp hàng hóa	5224
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho bãi: kho hàng	5229
58.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
59.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
60.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
61.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
62.	Xuất bản phần mềm	5820
63.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911

64.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động việc làm	7810
65.	Đại lý du lịch	7911
66.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
67.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
68.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
69.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
70.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
71.	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511
72.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
73.	Xây dựng công trình điện	4221
74.	Phá dỡ	4311
75.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
76.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
77.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
78.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
79.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐẶNG VĂN THUẬN	Thôn Thường Kiệt, Xã Vũ Lăng, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.050.0 00	10.500.000.000	70,000	0340850085 68	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.050.0 00	10.500.000.000	70,000		
2	KIỀU THỊ HỒNG LÝ	P403 CC mini 5 Nhật Tảo 2, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	225.000	2.250.000.000	15,000	0351860011 79	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	225.000	2.250.000.000	15,000		

3	LÊ THU HIỀN	Tổ dân phố Hoàng 15, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	225.000	2.250.000.000	15,000	0013010152 59
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	225.000	2.250.000.000	15,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐẶNG VĂN THUẬN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/07/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034085008568

Ngày cấp: 21/11/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Thôn Thường Kiệt, Xã Vũ Lăng, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Thường Kiệt, Xã Vũ Lăng, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội